TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 -10- 2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh;
2. Ông Võ Cư.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tấn Hòa- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ*** *tham gia phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 03 năm 2019 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Oanh V1, sinh năm 1975;
Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Công V2, sinh năm 1972;

Địa chỉ: thôn A, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi;

Nguyên đơn có mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/ 03/ 2019, bản khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị Oanh Vũ trình bày:

Chị và anh Phạm Công V2 có tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phổ Ninh vào ngày 17 tháng 4 năm 2001. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại nhà chồng tại phường T, thành phố Đà Nẵng một thời gian thì anh chị về quê chị ở thôn A, xã P, huyện Đ sống cho đến nay. Quá trình chung sống anh V2 không lo làm ăn, thường nhậu về đánh đập chị và các con. Ngày 30/03/2018, anh V2 về nhà đập phá tài sản của cha mẹ chị ở thôn A, xã P đòi chị phải đưa tiền cho anh V2; sự việc gia đình chị đã báo cáo với Công an xã Phổ Ninh đến lập biên bản sự việc. Chị đã cố gắng chịu đựng, khuyên nhủ để anh V2 thay đổi cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh V2 vẫn chứng nào tật đó; đánh đập chị, đập phá tài sản trong gia đình nhiều hơn và còn nghiện chất ma túy. Anh V2 làm nghề lái xe ô tô thuê thường xuyên vắng nhà, bỏ mặt chị một mình lo lắng và chăm sóc các con. Mâu thuẫn giữa chị và anh V2 là trầm trọng không có hướng khắc phục. Hiện anh, chị phần ai người nấy sống, không ai quan tâm đến nhau. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Phạm Công V2.

Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Văn K, sinh ngày 28/7/2002 và Phạm Quỳnh T, sinh ngày 03/05/2007; hiện 02 con chung đang sống với chị; khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị không yêu cầu anh V2 cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị có công việc và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Công V2 đã trực tiếp nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án và được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh V2 không trình bày ý kiến để Tòa án xem xét. Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án giải quyết theo thủ tục chung

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Oanh V1, cho chị V1 được ly hôn anh Phạm Công V2.

Về con chung: Đề nghị giao 02 cháu Phạm Văn K, sinh ngày 28/7/2002 và Phạm Quỳnh T, sinh ngày 03/05/2007 chị Nguyễn Thị Oanh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị V1 không có yêu cầu nên đề nghị không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 18/03/2019 chị Nguyễn Thị Oanh V1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Công V2 có cư trú tại thôn An, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào thời điểm Tòa án thụ lý vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bị đơn anh Phạm Công V2 được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa, tuy nhiên anh V2 vắng mặt không có lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Nguyễn Thị Oanh V1và anh Phạm Công V2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Ninh vào năm 2001, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ mâu thuẫn trong gia đình, dẫn đến anh V2 thường gây gỗ, đập phá tài sản trong gia đình và đánh đập chị V1; bản thân anh V2 thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ, con. Mâu thuẫn kéo dài không có hướng khắc phục. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị V1 và anh V2 ngày càng trầm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị Nguyễn Thị Oanh V1 được ly hôn anh Phạm Công V2.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Phạm Văn K, sinh ngày 28/7/2002 và Phạm Quỳnh T, sinh ngày 03/05/2007; hiện các con chung đang sống với chị V1; khi ly hôn chị V1 yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, chị không yêu cầu anh V2 cấp dưỡng nuôi con. Anh V2 không cung cấp ý kiến về con chung. Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu K và cháu T hiện đang sống ổn định với chị V1 đi học, chị V1 có chổ ở và thu nhập ổn định. Mặt khác, cháu K, T đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi ly hôn. Còn đối với anh V2 làm nghề lái xe ô tô thuê thường vắng nhà, nên việc chăm sóc con chung không bảo đảm bằng chị V1. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, Hội

đồng xét xử nghị nên giao cháu K và cháu T cho chị V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V1 không yêu cầu anh V2 cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Nguyễn Thị Oanh V1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Oanh V1 được ly hôn anh Phạm Công V2.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Văn K, sinh ngày 28/7/2002 và cháu Phạm Quỳnh T, sinh ngày 03/05/2007 cho chị Nguyễn Thị Oanh V1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh V2 không cấp dưỡng tiền cho con.

Anh Phạm Công V2 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị Oanh V1 phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị V1 đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số AA/2016/0004863 ngày 28/ 3/ 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Oanh V1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Công V2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện;
- TAND tỉnh;
- THDS huyện;
- UBND xã Phổ Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Sang